

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **29/2023/HS-ST**
Ngày: **29-11-2023**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Lệ Hoa

2. Ông Nguyễn Minh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/HSST-QĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trương Thị Cẩm H - sinh ngày 05/02/1998;

Nơi cư trú: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Trương Văn T, sinh năm 1970 và bà Trần Lệ T, sinh năm 1973; Chồng: Phạm Trung H, sinh năm 1987 (Đã ly hôn); Con có 01 người, sinh năm 2019.

Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 18/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố R , tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án sơ thẩm số 284/2022/HS-ST (Chấp hành xong ngày 23/6/2023, chưa xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/7/2023 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn V (V Lùn) - sinh ngày 07/8/1990;

Nơi cư trú: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1954 (chết) và bà Lê Kim H, sinh

năm 1955; Vợ: Mai Thanh H, sinh năm 1996; Con: có 2 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền sự: Không. Tiền án: Ngày 15/02/2022, Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án sơ thẩm số 07/2022/HS-ST; Ngày 25/5/2022 Tòa án nhân dân huyện A , tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 01 năm tù, theo Bản án sơ thẩm số 24/2022/HS-ST(Chấp hành xong ngày 07/01/2023, chưa xóa án tích); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2023 cho đến nay (có mặt).

** Người bị hại:*

Trương Văn V - sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Đức H - sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: số 129, đường L, khu phố 3, phường A, thành phố R , tỉnh Kiên Giang.

2. Võ Văn T - sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: số 24 Trương Vĩnh K, phường R, thành phố R , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 20/7/2023, Trương Thị Cẩm H gặp Trương Văn V ở khu Dân cư xã T , tại đây H có hỏi mượn xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33 của Trương Văn V để đi chuộc lại điện thoại cho V do V nhờ H cầm dùm với số tiền 200.000 đồng vào ngày hôm trước nhưng V không đồng ý, sau đó H nhờ V chở H vào nhà của Nguyễn Văn V (V Lùn) ngụ ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang chơi, tại nhà V gồm có: V, Khỏe, My (nhà ở Rạch Sỏi) Trương Văn V và H cùng nhau ngồi nói chuyện được một lúc thì Nguyễn Văn V mượn xe Dream không nhớ biển số của My (không xác định được lai lịch và địa chỉ) chạy xe đi ra ngoài, lúc này Trương Thị Cẩm H kêu Trương Văn V đưa cho H 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) để chuộc lại điện thoại. H quan sát thấy Trương Văn V ngồi bấm điện thoại không để ý xe nên H nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của Trương Văn V đang đậu ở ngoài đường phía trước nhà Nguyễn Văn V mang đi cầm lấy tiền tiêu xài, do không có chìa khóa xe nên không lấy xe được. Lúc ngày, khoảng 14 giờ cùng ngày, H điện thoại cho Nguyễn Văn V và cả hai thống nhất với nhau H sẽ dẫn xe ra đầu đường để Nguyễn Văn V dùng xe Dream đẩy xe vừa lấy trộm được mang đi cầm, khi đẩy xe đến tuyến đường dân sinh cặp đường cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, đến đoạn đường vắng Nguyễn Văn V bứt dây max cho H điều khiển xe vừa lấy trộm của Trương Văn V còn Nguyễn Văn V điều khiển xe Dream chạy ra Rạch Sỏi,

khi đến Cổng số 02 thuộc ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, Nguyễn Văn V gửi lại chiếc xe của Nguyễn Văn V ở tiệm sửa xe của ông Lê Đức K để sửa thắng (phanh) rồi qua xe vừa trộm cắp được chở H ra gặp Võ Văn T (Ba Giá) ở phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là bạn của H, H nhờ T tìm chỗ cầm dùm chiếc xe Exciter 150 màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33, T hỏi xe của ai mà cầm thì H nói là xe của gia đình mang đi cầm đỡ vài ngày sẽ chuộc lại nên không mang theo giấy tờ, đồng thời H còn nói với T do xe bị rút mất chìa khóa và nhờ T đi làm chìa khóa xe dùm. Sau khi làm chìa khóa xe xong T liên hệ với Nguyễn Đức H, ngụ phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cầm chiếc xe Exciter 150 màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33 cho H với số tiền là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*), khi cầm xe H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. T mang tiền về đưa lại cho H, H cho T 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*), cho Nguyễn Văn V 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), số tiền còn lại H tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra tiếp nhận tin tố giác về tội phạm và tiến hành thu giữ một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33, số khung: RLCUG1010NY365478, số máy: G3D4E1136515, trên xe có gắn chìa khóa, trên chìa khóa có ký hiệu Y1080, xe đã qua sử dụng, do Nguyễn Đức H tự nguyện giao nộp.

* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành yêu cầu định giá tài sản mà các bị cáo đã thực hiện trộm cắp.

- **Kết luận định giá tài sản số: 19/2023/KL-HĐĐG** ngày 01/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33, số khung: RLCUG1010NY365478, số máy: G3D4E1136515, xe đã qua sử dụng có giá trị là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

* Cáo trạng số 26/CT-VKSTH ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Trương Thị Cẩm H và Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên xử bị cáo Trương Thị Cẩm H và Nguyễn Văn V phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Thị Cẩm H mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

*** Vật chứng đã tạm giữ trong vụ án được xử lý như sau:**

Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Trương Văn V, sinh năm 1997, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33, số khung: RLCUG1010NY365478, số máy: G3D4E1136515, xe đã qua sử dụng.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Một chìa khóa mô tô trên chìa khóa có ký hiệu Y1080, đây là vật chứng trong vụ án không còn giá trị sử dụng.

*** Trách nhiệm dân sự:**

Bị hại Trương Văn V đã nhận lại tài sản bị mất trộm và có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã cầm xe là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*).

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn T đồng ý trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho anh Nguyễn Đức H mà bị cáo H đã đưa cho anh T, nên hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh H số tiền 7.700.000 đồng.

Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài nên vào khoảng 14 giờ ngày 20/7/2023 khi đến nhà bị cáo Nguyễn Văn V chơi ở ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, bị cáo H đã gọi điện

thoại nói với bị cáo V về việc trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33 của Trương Văn V để mang đi cầm thì bị cáo V đồng ý, khi lấy trộm được xe của V thì bị cáo H dẫn ra đầu đường lộ, bị cáo V chạy xe Dream mượn của My để đẩy xe trộm cắp được do H điều khiển, đến đoạn đường vắng thì V bứt dây max rồi cùng H chạy xe ra gặp Võ Văn T nhờ T cầm cho Nguyễn Đức H với số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*), khi cầm xe H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Tài sản mà bị cáo Trương Thị Cẩm H và Nguyễn Văn V trộm cắp trị giá là **25.000.000** đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Hành vi của bị cáo Trương Thị Cẩm H và Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi biết rõ việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, mục đích sử dụng cho tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo H trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe mô tô, bị cáo V thực hiện với vai trò giúp sức cho bị cáo H, nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo V.

[4] Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân xấu:

Bị cáo H có 1 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Ngày 18/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù, theo Bản án sơ thẩm số 284/2022/HS-ST, chấp hành xong ngày 23/6/2023, chưa xóa án tích.

Bị cáo V có 1 tiền án: Ngày 15/02/2022, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo Bản án sơ thẩm số 07/2022/HS-ST; Ngày 25/5/2022 Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt là 01 năm tù, theo Bản án sơ thẩm số 24/2022/HS-ST, chấp hành xong ngày 07/01/2023, chưa xóa án tích.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và bị cáo V có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H và V thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hai bị cáo ra đầu thú; nên hai bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy hai bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có công việc ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trương Văn V đã nhận lại tài sản bị mất trộm và có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã cầm xe là 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*). Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn T đồng ý trả lại số tiền 1.300.000 đồng cho anh Nguyễn Đức H mà anh T đã nhận từ bị cáo H, nên hai bị cáo H và V phải liên đới bồi thường cho anh H số tiền còn lại là 7.700.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo V đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Đức H số tiền 7.700.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 3.850.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Một chìa khóa mô tô trên chìa khóa có ký hiệu Y1080; do vật chứng không còn giá trị sử dụng.

[8] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Võ Văn T (Ba Giá), tại phiên tòa anh T thừa nhận có nhận số tiền 1.300.000 đồng từ bị cáo H sau khi cầm xe cho anh H nhưng không biết chiếc xe do bị cáo H trộm cắp mà có, bị cáo H cũng khai nhận khi đưa xe cho anh T đi cầm nói là xe của gia đình mang đi cầm đỡ vài ngày sẽ chuộc lại nên không mang theo giấy tờ, nên không có căn cứ để xử lý Võ Văn T về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là anh Trương Văn V một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter 150, màu trắng-đỏ-đen, biển số 68T1-680.33, số khung: RLCUG1010NY365478, số máy: G3D4E1136515, xe đã qua sử dụng; là phù hợp.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, điều tra với My là người cho bị cáo V mượn xe Dream vào ngày 20/7/2023 nhưng không xác định được nhân thân lai lịch.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Thị Cẩm H và Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Cẩm H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 29/7/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V 01 (một) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 04/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị Cẩm H và bị cáo Nguyễn Văn V phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức H số tiền 7.700.000đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức H số tiền là 3.850.000 đồng (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Một chìa khóa mô tô trên chìa khóa có ký hiệu Y1080.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKSTH ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Thị Cẩm H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí không có giá ngạch trên số tiền bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí không có giá ngạch trên số tiền bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Công an huyện T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến